

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN  
SEASPIMEX - VIETNAM**



**SEASPIMEX®**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Năm 2014**

Phụ lục số II  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN  
SEASPIMEX VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 17/15/BC/TĐS/HĐQT

Tp.HCM, ngày 02 tháng 04 năm 2015

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN**  
**Năm báo cáo: 2014**

**A. Thông tin chung:**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
- Tên tiếng Anh: SPECIAL AQUATIC PRODUCTS JOINT-STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: SEASPIMEX-VIETNAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302598530, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 04 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 05 năm 2013.
- Vốn điều lệ: 108.000.000.000 đồng (Một trăm lẻ tám tỷ đồng chẵn).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: 213 Hòa Bình, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM.
- Số điện thoại: (08) 37608215
- Số fax: (08) 37608213
- Website: [www.seaspimex.com.vn](http://www.seaspimex.com.vn)
- Email: [seaspimex@hcm.vnn.vn](mailto:seaspimex@hcm.vnn.vn)
- Mã cổ phiếu (nếu có): không có.

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

- Tóm tắt lịch sử và hình thành và phát triển của Công ty:

Cách đây 29 năm, ngày 01-09-1983, Công ty XNK Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM - được hình thành trên cơ sở tách P.Kinh Doanh của Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam – SEAPRODEX VIET NAM – đánh dấu một bước phát triển lớn mạnh của Tổng Công ty Thủy sản nói riêng và Ngành thủy sản lúc bấy giờ nói chung.



Trải qua 20 năm hình thành và phát triển Công ty XNK Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM đã góp một phần không nhỏ cho ngành vào công cuộc đổi mới đất nước. Với sự lớn mạnh của mình, Công ty XNK Thủy Đặc Sản được nhà nước tặng huân chương: “ *Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới*” và được Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam chọn là đơn vị đầu tiên trong ngành về việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Ngày 11/01/2002 Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM chính thức được thành lập.

Tiếp tục trong 09 năm Cổ phần hóa, Công ty đã chủ động tự cân đối, tự trang trải nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do hoạch định những chiến lược sản xuất – kinh doanh đúng hướng nên việc các công ty thành viên ra đời là một hệ quả tất yếu.

Cụ thể, ngày 01/09/2008 Nhà máy Bình Chánh đã đưa vào hoạt động với công suất hơn 15,000 tấn thành phẩm/năm.

Song song với việc phát triển bền vững đó, ngày 01/01/2011 Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM chính thức trình diện bộ nhận diện thương hiệu mới cho tất cả các hạng mục: LOGO, CÁC ẢN PHẨM VĂN PHÒNG, TRANG WEB, BAO BÌ CHO TOÀN BỘ SẢN PHẨM ....

Với sự đầu tư đúng mức, gần 30 năm kinh nghiệm trên thị trường thế giới và thị trường nội địa, chắc chắn Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM sẽ đạt được những thành công vượt bậc về cung cấp hàng hóa chất lượng, dịch vụ kịp thời, nhanh chóng, tiện ích.

– Niêm yết: Cổ phiếu Công ty chưa niêm yết.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

– Ngành nghề kinh doanh: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở). Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở). Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở). Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy. Bán mô tô, xe máy. Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn đồ uống (không kinh doanh dịch vụ ăn uống). Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở). Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Giáo dục nghề nghiệp. Hoạt động viễn thông khác. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

– Địa bàn kinh doanh: Phần lớn xuất khẩu sang các thị trường Châu Mỹ, Châu Âu, Châu Á ... và thị trường nội địa.



#### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty bao gồm:

• Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| - ông Lê Công Đức        | Chủ tịch   |
| - ông Đỗ Trọng Vinh      | Thành viên |
| - ông Bùi Tuấn Ngọc      | Thành viên |
| - ông Cao Thanh Định     | Thành viên |
| - bà Bùi Thị Phương Thảo | Thành viên |

• Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm 04 thành viên:

- |                           |                   |
|---------------------------|-------------------|
| - ông Nguyễn Thành Phương | Tổng Giám đốc     |
| - ông Đỗ Trọng Vinh       | Phó Tổng Giám đốc |
| - ông Võ Hữu Khoa         | Phó Tổng Giám đốc |

*(QĐ chấm dứt HĐLĐ kể từ ngày 11/04/2014)*

- bà Đặng Thị Ngọc Bích          Kế toán trưởng

• Địa điểm kinh doanh: Nhà máy Chế biến thủy sản.

Địa chỉ : B23/63 Hoàng Phan Thái, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (08) 37608215

Fax : (08) 37608213

Khuôn viên : 20,000m<sup>2</sup>

Công suất : 15,000 tấn/ năm

bao gồm các phòng ban và các phân xưởng sau đây:

- Phòng Tài chính – Kế toán.
  - Phòng Hành chính – Nhân sự: BP Nhân sự, BP Hành chính, Bếp ăn.
  - Phòng Kinh doanh: BP Kinh doanh, BP Xuất nhập khẩu, BP Quản lý kho.
  - Phòng Quản lý sản xuất: BP Sản xuất, BP Chất lượng, BP Kỹ thuật – Cơ điện.
  - Các phân xưởng: Phân xưởng Cá hồi, Phân xưởng Đồ hộp, Phân xưởng Súc sản, Phân xưởng Đông lạnh, Phân xưởng Hàng khô.
  - Phòng Kinh doanh Nội địa.
- Các công ty con, chi nhánh:

• **Seaspimex Bến Tre:**

NHÀ MÁY ĐÔNG LẠNH BA TRI (BTF)

Địa chỉ: Xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

2898

ÔNG T  
Đ PHẢ  
ĐẶC

TP. HC

Khuôn viên: 5,000m<sup>2</sup>  
Công suất: 2,000 tấn/ năm

Công nhân: 400 người

Lĩnh vực: Sản xuất, chế biến các sản phẩm hải sản đông lạnh như tôm càng, bạch tuộc, đùi ếch.

• **Seaspimex Hà Nội:**

Địa chỉ : 101 TT Bộ Thủy Sản, Ngõ 20 Nguyễn Công Hoan, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: 04. 37711168 - 04. 37712498

Fax : 04. 37719431

Là đơn vị thay mặt công ty Seaspimex, các nhà máy chế biến ... quản lý, ký kết các hợp đồng và bán hàng cho thị trường từ TP.Vinh trở ra Bắc.

Là đơn vị kiểm soát, giúp ổn định thị trường phía Bắc và thị trường chung của công ty.

• **Seaspimex Sóc Trăng:**

Địa chỉ : Ấp Huỳnh Kỳ, xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.  
Chức năng: Chuyên nghiên cứu, sản xuất giống, nuôi trồng và chế biến thủy sản, cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất.

Diện tích đầm nuôi: hơn 30 ha.

**5. Định hướng phát triển:**

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh, đạt tỷ suất lợi nhuận tối ưu.

Thực hiện đúng các chế độ tài chính kế toán theo Quy định của Nhà nước, thực hiện tốt các chính sách thuế, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Không ngừng nâng cao đời sống cho CB.CNV Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV.

Đảm bảo lợi ích hợp pháp cho các cổ đông.

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Khai thác tối đa công suất các phân xưởng, tăng tính hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững, ổn định và lâu dài cho doanh nghiệp.

Hoàn thiện bộ máy quản lý theo chiều hướng tinh gọn và hiệu quả.

Tiếp tục cải thiện điều kiện thiết bị và áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động cho công nhân.

Xây dựng và quản bá hình ảnh Công ty, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu, đầu tư cho hệ thống phân phối thị trường nội địa, giữ vững uy tín và chất lượng sản phẩm.

Niên yết cổ phiếu Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM để huy động vốn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.





– Các mục tiêu đối với môi trường, Xã hội và cộng đồng của Công ty:

Hưởng ứng và tích cực tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường. Thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa doanh nghiệp, thực hiện chính sách tiết kiệm, phòng chống lãng phí.

Tạo công ăn việc làm cho người lao động có thu nhập ổn định và không ngừng nâng cao đời sống cho người lao động.

Xây dựng quỹ mái ấm công đoàn, trợ cấp khó khăn cho người lao động bằng cách cho vay không tính lãi, cấp học bổng cho con CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn nhưng học giỏi. Tổ chức thăm hỏi các CB.CNV khi ốm đau, thai sản và tặng quà cho CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn và dịp Tết Nguyên đán ...

#### 6. Các rủi ro:

Nguồn nguyên liệu không ổn định, cạnh tranh thu mua nguyên liệu gay gắt trong khi Công ty đang thiếu hụt nguồn vốn lưu động ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng kịp thời các đơn hàng của khách hàng.

Lực lượng lao động so với công suất của máy móc thiết bị đang bị thiếu hụt nghiêm trọng và hiện tại rất khó tuyển dụng do đặc thù của ngành chế biến thủy sản.

Các nước nhập khẩu sử dụng hàng rào phi thuế quan và rào cản kỹ thuật kiểm soát dư lượng kháng sinh nghiêm ngặt để hạn chế nhập khẩu, giảm khả năng thâm nhập thị trường của các doanh nghiệp thủy sản.

### B. Tình hình hoạt động trong năm:

#### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2014, tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn chịu nhiều biến động, mặc dù có một vài dấu hiệu tích cực: lãi suất vay vốn có xu hướng giảm, tỷ giá ngoại tệ ổn định, lạm phát thấp. Tuy nhiên nhu cầu tiêu dùng có xu hướng giảm mạnh cả trong nước và xuất khẩu, cạnh tranh gay gắt về giá cả làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kết quả kinh doanh của Công ty.

Trong bối cảnh kinh tế như trên, có thể đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2014 qua một số chỉ tiêu đạt được như sau:

#### Các chỉ tiêu thực hiện năm 2014:

| Chỉ tiêu SX KD | ĐVT       | Năm 2014        |           | Thực hiện năm 2013 | So sánh (%)   |                |
|----------------|-----------|-----------------|-----------|--------------------|---------------|----------------|
|                |           | Nghị quyết ĐHCĐ | Thực hiện |                    | KH Nghị Quyết | Thực hiện 2013 |
| Tổng doanh thu | Tỷ đồng   | 750,00          | 641,76    | 628,55             | 85,57         | 102,10         |
| Xuất khẩu      | Triệu USD | 21,92           | 19,10     | 19,15              | 87,14         | 99,74          |
| Lợi nhuận      | Tỷ đồng   | 15,50           | 15,70     | 15,09              | 101,29        | 104,04         |
| SL sản xuất    | Tấn       | 6.145,10        | 4.910,70  | 5.128,56           | 79,91         | 95,75          |
| SL gia công    | Tấn       | 2.304,60        | 3.991,67  | 3.194,19           | 173,20        | 124,97         |



Handwritten signature or initials.



Hầu hết các chỉ tiêu đều đạt so với cùng kỳ. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận vẫn đạt được kế hoạch do Nghị quyết ĐHCĐ đưa ra mặc dù trong năm 2014 lợi nhuận từ việc cho thuê mặt bằng không có.

## 2. Tổ chức và nhân sự:

– Danh sách Ban điều hành: (Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành)

| S<br>T<br>T | Họ và tên           | Giới<br>tính | Ngày sinh  | Trình độ                             | Thâm niên<br>công tác | Chức<br>vụ<br>quản<br>lý | Sở hữu cổ<br>phần<br>(%)                         |
|-------------|---------------------|--------------|------------|--------------------------------------|-----------------------|--------------------------|--|
| 1           | Nguyễn Thành Phương | Nam          | 25/12/1965 | Kỹ sư<br>Chế biến<br>thủy sản        | 01/01/1989            | Tổng<br>Giám<br>đốc      | 0.15   |
| 2           | Đỗ Trọng Vinh       | Nam          | 03/02/1964 | Cử nhân<br>Kinh tế<br>thủy sản       | 01/11/1987            | Phó<br>TGD               | 2.45   |
| 3           | Võ Hữu Khoa         | Nam          | 12/06/1968 | Thạc sĩ<br>Quản trị<br>kinh<br>doanh | 01/08/2012            | Phó<br>TGD               | Không có<br>(Chấm dứt<br>HĐLĐ kể từ<br>11/04/14) |
| 4           | Đặng Thị Ngọc Bích  | Nữ           | 26/02/1964 | Cử nhân<br>Kinh tế                   | 01/12/1983            | Kế toán<br>trưởng        | Không có   |

– Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2014:

Ông Võ Hữu Khoa – Phó Tổng Giám đốc Công ty thôi việc kể từ ngày 11/04/2014 theo Quyết định số: 13/14/QĐ/TĐS/HĐQT của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

– Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Số lượng cán bộ nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2014: 1.114 người.

Thu nhập bình quân của người lao động/ tháng: 4.919.000 đồng.

| STT              | Cơ cấu CB. CNV     | Số lượng CB.CNV tính đến 31/12/2014 (người) |
|------------------|--------------------|---|
| 1                | Trên Đại học       | 0   |
| 2                | Đại học            | 79  |
| 3                | Cao đẳng           | 31  |
| 4                | Trung cấp          | 79  |
| 5                | Bằng nghề          | 17  |
| 6                | Lao động phổ thông | 908   |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                    | <b>1.140</b>                                |

- Các chính sách đối với người lao động:

Mặc dù thị trường xuất khẩu trong các tháng cuối năm giảm mạnh do giá thế giới liên tục hạ, nhà máy Seaspimex vẫn hoạt động gần hết công suất thiết kế, duy trì được đội ngũ lao động lành nghề, đảm bảo thu nhập cho Người lao động, chi trả lương đủ và đúng hạn cho Người lao động. Thu nhập bình quân của Người lao động trong Công ty là 4,92 triệu đồng/người/tháng.

Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty, xe đưa rước CNV ở xa.

Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

**Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

**a) Các khoản đầu tư:**

| STT              | Nội dung                                | ĐVT        | Giá trị đầu tư       |
|------------------|---|------------|----------------------|
| 1                | Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh | VNĐ        | 4.500.000.000        |
| 2                | Đầu tư dài hạn khác                     | VNĐ        | 116.230.738          |
| <b>Tổng cộng</b> |   | <b>VNĐ</b> | <b>4.616.230.738</b> |

**b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).**

**+ Chi nhánh Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri (BTF):**

Năm 2014 tuy khó khăn về tài chính nhưng chi nhánh Ba Tri cũng đã đẩy mạnh khai thác các mặt hàng chủ lực và tiết giảm chi phí sản xuất, sản xuất kinh doanh các mặt hàng có hiệu quả cao: đùì ếch, bạch tuộc, ghe.

Sản lượng sản xuất: 1.950,79 tấn.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014:

- Doanh số xuất khẩu: 7 triệu USD tăng 15% so với năm 2013.
- Lợi nhuận đạt giá trị: 4,89 tỷ đồng tăng 13% so với năm 2013.

**+ Chi nhánh Hà Nội:**

Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ giao chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận.

Kết quả kinh doanh năm 2014:

- Doanh thu thực hiện: 15,42 tỷ đồng bằng 100% năm 2013.
- Lợi nhuận đạt giá trị: 0,73 tỷ đồng bằng 100% năm 2013.



U6



3. **Tình hình tài chính:**

a) Tình hình tài chính:

ĐVT: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu   | Năm 2013 | Năm 2014 | % tăng giảm |
|--|----------|----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản                                     | 508,934  | 538,984  |             |
| Doanh thu thuần  | 583,220  | 591,762  |             |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                        | 15,234   | 16,471   |             |
| Lợi nhuận khác   | -0,143   | -0,773   |             |
| Lợi nhuận trước thuế                                     | 15,091   | 15,698   |             |
| Lợi nhuận sau thuế                                       | 14,767   | 9,620    |             |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức<br>(Lãi cơ bản trên cổ phiếu) | 1,367    | 891      |             |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Các chỉ tiêu  | Năm 2013        | Năm 2014       | Ghi chú |
|---|-----------------|----------------|---------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>                               |                 |                |         |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br>TSLĐ/Nợ ngắn hạn                        | 1,10            | 1,01           |         |
| + Hệ số thanh toán nhanh:<br>TSLĐ - Hàng tồn kho<br>Nợ ngắn hạn         | 0,47            | 0,47           |         |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>  |                 |                |         |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản   | 0,75            | 0,75           |         |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu   | 3,06            | 3,02           |         |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>                                |                 |                |         |
| + Vòng quay hàng tồn kho:<br>Giá vốn hàng bán<br>Hàng tồn kho bình quân | 3,52            | 2,85           |         |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản  | 1,15            | 1,10           |         |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>                                 |                 |                |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần                             | 0,0253 = 2,53%  | 0,0163 = 1,63% |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản                                | 0,0290 = 2,9%   | 0,0178 = 1,78% |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu                              | 0,1178 = 11,78% | 0,0718 = 7,18% |         |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần               | 0,0261 = 2,61%  | 0,0278 = 2,78% |         |

#### 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

##### a) Cổ phần:

Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành: 1.080.000 cổ phần (Một triệu không trăm tám mươi ngàn cổ phần).

Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng/ cổ phần.

##### b) Cơ cấu cổ đông:

Tính đến hết ngày 31/12/2014 Công ty có 536 cổ đông, trong đó cơ cấu cổ đông cụ thể như sau:

| STT              | Cơ cấu cổ đông                                  | Số lượng cổ đông | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|------------------|---|------------------|-------------------|------------------|
| 1                | Cổ đông Nhà nước                                | 01               | 194.400           | 18,00            |
| 2                | Cổ đông Tổ chức                                 | 03               | 80.146            | 7,42             |
| 3                | Cổ đông là thành viên HĐQT                      | 03               | 166.382           | 15,41            |
| 4                | Cổ đông Nước ngoài                              | 14               | 32.168            | 2,98             |
| 5                | Cổ đông cá nhân                                 | 515              | 606.904           | 56,19            |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |   | <b>536</b>       | <b>1.080.000</b>  | <b>100,00</b>    |
| 6                | Cổ đông lớn (nắm giữ 5% CP có quyền biểu quyết) | 1                | 1                 | 10,37            |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

### C. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

#### 1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2014:

##### 1.1 Báo cáo sản xuất kinh doanh năm 2014 – Công tác Điều hành quản lý:

Trong năm 2014, so với năm 2013 các chính sách quản lý của Nhà nước và các giải pháp vĩ mô: hạ lãi suất cho vay, miễn giảm thuế nguyên liệu thủy sản... nhưng vẫn không giải quyết được các trở ngại mà doanh nghiệp đang phải đối mặt. Công ty vẫn gặp phải khó khăn khi tiếp cận các gói tín dụng hỗ trợ cho vay từ các Ngân hàng.

Chi phí đầu vào có xu hướng tăng (nguyên vật liệu, điện, nước...), trong khi giá bán tiếp tục giảm trên thị trường thế giới. Đặc biệt mặt hàng Cá ngừ đóng hộp do sức mua thấp, dẫn đến các quốc gia sản xuất trong khu vực liên tiếp giảm giá trong năm 2014 làm ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch doanh thu lợi nhuận của Công ty.



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 như sau:

a. Về xuất khẩu:

- Tình hình kinh tế thế giới năm 2014, vẫn không có tín hiệu chuyển biến tích cực, suy thoái bất ổn chính trị và nhu cầu tiêu dùng giảm. Các quốc gia trong khu vực đặc biệt Thái Lan giảm giá Cá ngừ xuất khẩu mạnh từ những tháng cuối năm 2013 và cả năm 2014 làm cho giá thị trường giảm gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong ngành tại Việt Nam.
- Tình hình chính trị của các quốc gia khu vực Trung Đông, Đông Âu diễn biến bất ổn kéo dài, là nguyên nhân ảnh hưởng mạnh đến tình hình xuất khẩu Cá ngừ của Công ty do: chi phí vận chuyển tăng, thâm hụt ngoại tệ thanh toán, tiêu thụ chậm do chiến tranh...
- Năm 2015, Châu Âu áp dụng thuế nhập khẩu đánh vào Cá ngừ đóng hộp từ Việt Nam lên 20% sẽ gây khó khăn lớn cho hoạt động xuất khẩu.
- Các thị trường xuất khẩu khác: ghe, bạch tuộc, đù ếch ổn định.
- Sản lượng, chất lượng nguyên liệu giảm do: khai thác ồ ạt tận thu dẫn đến hủy diệt nguồn lợi, sử dụng chất cấm trong bảo quản và đánh bắt...

b. Về gia công xuất khẩu, nội địa:

- Hoạt động gia công: các khách hàng gia công cam kết gia tăng sản lượng trong năm 2015, từng bước chuyển sang sản phẩm giá trị gia tăng, giảm xuất sản phẩm thô (sơ chế) như các năm trước.
- Công ty gia tăng thêm các đối tác gia công nước ngoài: Bạch tuộc, cá thu, cua...
- Gia công nội địa sản lượng ngày càng tăng và nhóm khách hàng ổn định, khai thác hết mặt bằng, thiết bị hiện có.

c. Kinh doanh trong nước:

- Bộ phận kinh doanh nội địa được chuyển thành Phòng Kinh doanh nội địa phụ trách phân phối toàn bộ thị trường trong nước (ngoại trừ thị trường Miền Bắc do CN Hà Nội quản lý).
  - Hoạt động của Phòng được tổ chức kiện toàn ổn định, tuyển dụng thêm nhân sự để phát triển thị trường.
  - Định hướng lại hoạt động kinh doanh, xây dựng chiến lược tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng, phát triển các sản phẩm mới: xúc xích, cá đóng hộp...
- Mặc dù đối diện với các khó khăn và thách thức, Công ty cũng đã kịp thời điều chỉnh phương án kinh doanh, giữ vững sự ổn định bộ máy điều hành, tìm các giải pháp tăng trưởng trong sản xuất kinh doanh. Tập trung sản xuất các mặt hàng có lợi nhuận, cụ thể như sau:

**\* Nhà máy Chế biến thủy sản Seaspimex:**

Trong năm 2014, đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực Nhà máy đã cố gắng chào bán ở các thị trường truyền thống nhằm đẩy mạnh sản lượng, duy trì sản xuất ổn định.

Tuy nhiên, đối với mặt hàng ghe đóng hộp lại gặp nhiều thách thức do sản lượng đánh bắt sụt giảm dẫn đến cạnh tranh giá thu mua nguyên liệu. Mặc dù nhu cầu thị trường lớn, nhưng do sản lượng cung cấp ít và không ổn định nên làm giảm khả năng cung cấp theo yêu cầu của khách hàng.



US



Năm 2014, Nhà máy bố trí lại các dây chuyền sản xuất nhằm khai thác triệt để công suất thiết bị, diện tích nhà xưởng.

Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác gia công với khách hàng Nhật. Đã phát triển thêm các khách hàng gia công: Bạch tuộc, Cá thu đao, cua King Crab đóng hộp...

Tổng sản lượng: 6.951,55 tấn. Trong đó:

- Sản lượng sản xuất: 2.804,34 tấn
- Sản lượng gia công: 3.991,67 tấn.
- Sản lượng mặt hàng ghe đạt: 155,54 tấn.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014:

- Doanh số xuất khẩu: 12,10 triệu USD bằng 93% so với năm 2013.
- Doanh số nội địa: 90,14 tỷ đồng bằng 57% so với năm 2013.
- Lợi nhuận đạt giá trị: 6,66 tỷ đồng bằng 55% năm 2013 (không tính phần lợi nhuận từ việc cho thuê tài sản tại 213 Hòa Bình).

**\* Chi nhánh Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri (BTF):**

Năm 2014 tuy khó khăn về tài chính nhưng chi nhánh Ba Tri cũng đã đẩy mạnh khai thác các mặt hàng chủ lực và tiết giảm chi phí sản xuất, sản xuất kinh doanh các mặt hàng có hiệu quả cao: đù ếch, bạch tuộc, ghe.

Sản lượng sản xuất: 1.950,79 tấn.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014:

- Doanh số xuất khẩu: 7 triệu USD tăng 15% so với năm 2013.
- Lợi nhuận đạt giá trị: 4,89 tỷ đồng tăng 13% so với năm 2013.

**\* Chi nhánh Hà Nội:**

Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ giao chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận.

Kết quả kinh doanh năm 2014:

- Doanh thu thực hiện: 15,42 tỷ đồng bằng 100% năm 2013.
- Lợi nhuận đạt giá trị: 0,73 tỷ đồng bằng 100% năm 2013.

**\* Khai thác mặt bằng 213 Hòa Bình và 176/32 Hòa Bình:**

Thực hiện chỉ đạo của HĐQT Công ty về việc khai thác cho thuê và hợp tác kinh doanh mặt bằng tại 213 Hòa Bình và 176/32 Hòa Bình.

*Kết quả thực hiện như sau:*

- Doanh thu thực hiện: 11,09 tỷ đồng.
- Lợi nhuận đạt giá trị: 3,42 tỷ đồng.



1.2 So sánh các chỉ tiêu chính của hoạt động kinh doanh các năm 2013 - 2014:

| Chỉ tiêu                                | ĐVT       | Năm 2013 | Năm 2014 | So sánh %<br>2014/ 2013 |
|---|-----------|----------|----------|-------------------------|
| Tổng số lao động bình quân              | Người     | 1.140,00 | 1.148,00 | 100,70                  |
| * Trực tiếp                             | Người     | 1.025,00 | 1.013,00 | 98,83                   |
| * Gián tiếp                             | Người     | 115,00   | 135,00   | 117,39                  |
| Thu nhập BQ người/ tháng                | Ngàn đồng | 4.177,00 | 4.919,00 | 117,76                  |
| Tổng doanh thu                          | Tỷ đồng   | 628,55   | 641,76   | 102,10                  |
| * Doanh thu nội bộ                      | Tỷ đồng   | 89,48    | 46,28    | 51,72                   |
| * Doanh thu từ khách hàng               | Tỷ đồng   | 538,84   | 595,48   | 110,51                  |
| Doanh thu khách hàng/<br>Tổng doanh thu | %         | 85,76    | 92,79    |                         |
| TS lợi nhuận/ DT khách hàng             | %         | 3        | 3        |                         |
| Sản lượng sản xuất                      | Tấn       | 5.128,56 | 4.910,70 | 95,75                   |
| Gia công                                | Tấn       | 3.194,19 | 3.991,67 | 124,97                  |
| Tổng tài sản                            | Tỷ đồng   | 508,93   | 538,98   | 106,00                  |
| Lợi nhuận trước thuế                    | Tỷ đồng   | 15,09    | 15,69    | 103,98                  |
| Lợi nhuận sau thuế                      | Tỷ đồng   | 14,77    | 9,62     | 65,13                   |
| Vốn chủ sở hữu                          | Tỷ đồng   | 108,00   | 108,00   | 100,00                  |
| Tổng giá trị CP đang lưu hành           | Tỷ đồng   | 108,00   | 108,00   | 100,00                  |
|   |           |          |          |                         |

03021  
CÔI  
CỔ  
THỦY  
PHỤ

1.3 Trong năm 2014, với nỗ lực và trách nhiệm chúng tôi đã thực hiện các chỉ tiêu sau:

1.3.1 Thị trường xuất khẩu:

Thị trường truyền thống của Công ty vẫn được duy trì ổn định.

Sản phẩm sản xuất được xuất khẩu sang 24 quốc gia, 6 khu vực.

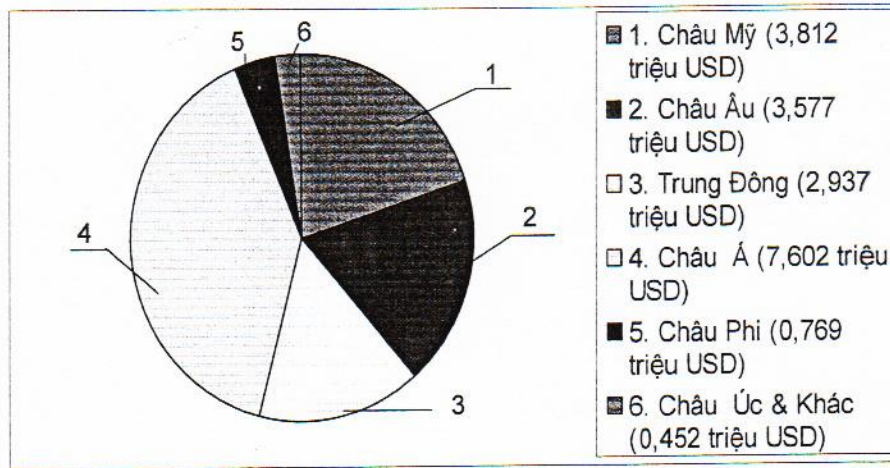
Tăng thêm các thị trường: Hungary, Ba Lan, Singapore...

Giảm các thị trường: Israel, Hàn Quốc, Thái Lan, Thụy Sĩ.

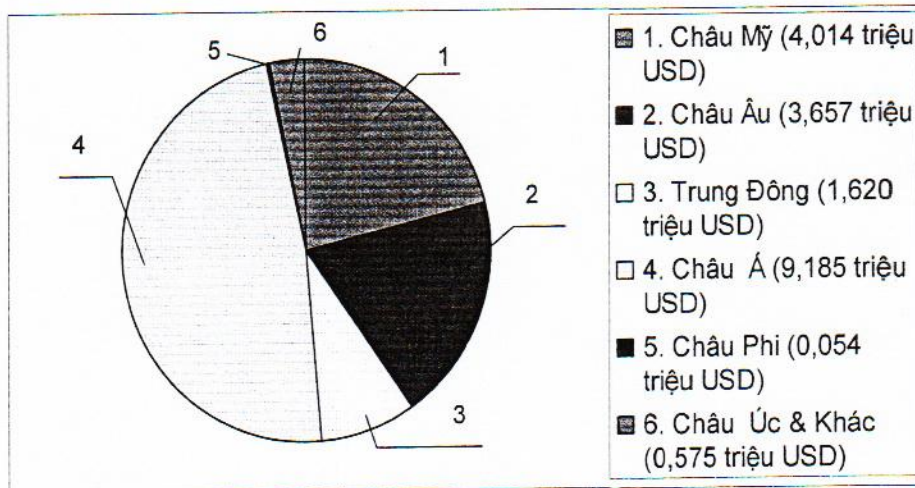
Thực hiện xuất khẩu năm 2014:

- Doanh thu đạt: 19,10 triệu USD bằng 100% cùng kỳ năm 2013.
- Sản lượng đạt: 4.675,37 tấn bằng 100% cùng kỳ năm 2013.

| Thị trường          | Năm 2013        |                    | Năm 2014        |                    | SS % 2014/2013  |                    |
|---------------------|-----------------|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|--------------------|
|                     | Sản lượng (tấn) | Giá trị (1.000USD) | Sản lượng (tấn) | Giá trị (1.000USD) | Sản lượng (tấn) | Giá trị (1.000USD) |
| <b>A. Xuất khẩu</b> | <b>4.650,09</b> | <b>19.151,09</b>   | <b>4.675,37</b> | <b>19.108,71</b>   | <b>100,54</b>   | <b>99,78</b>       |
| 1. Châu Mỹ          | 252,36          | 3.812,62           | 248,58          | 4.014,75           | 98,50           | 105,30             |
| 2. Châu Âu          | 712,75          | 3.577,27           | 869,76          | 3.657,21           | 122,03          | 102,23             |
| 3. Trung Đông       | 813,90          | 2.937,32           | 456,56          | 1.621,00           | 56,10           | 55,19              |
| 4. Châu Á           | 2.561,17        | 7.602,38           | 2.942,86        | 9.185,45           | 114,90          | 120,82             |
| 5. Châu Phi         | 197,92          | 769,04             | 14,65           | 54,45              | 7,40            | 7,08               |
| 6. Châu Úc & Khác   | 112,00          | 452,45             | 142,96          | 575,85             | 127,64          | 127,27             |



Năm 2013



Năm 2014



1.3.2 Báo cáo kết quả thực hiện năm 2014 và kế hoạch năm 2015:

| Nội dung   | ĐVT       | Năm 2014 |           |        | Kế hoạch năm 2015 |                         |
|--|-----------|----------|-----------|--------|-------------------|-------------------------|
|  |           | Kế hoạch | Thực hiện | SS %   | Kế hoạch          | % tăng giảm so năm 2014 |
| <b>I. NHÀ MÁY SEASPIMEX</b>                            |           |          |           |        |                   |                         |
| 1. Doanh số Xuất khẩu                                  | Triệu USD | 15,82    | 12,10     | 76,49  | 12,40             | 102                     |
| 2. Doanh thu   | Tỷ đồng   | 533,65   | 428,47    | 80,29  | 485,55            | 113                     |
| Trong đó   |           |          |           |        |                   |                         |
| * Doanh thu Nội địa                                    | Tỷ đồng   | 87,28    | 90,14     | 103,28 | 107,25            | 119                     |
| * Doanh thu Nội bộ                                     | Tỷ đồng   | 18,60    | 21,02     | 113    | 88,50             | 421                     |
| * Doanh thu Dịch vụ gia công<br>( trong và ngoài nước) | Tỷ đồng   | 93,96    | 68,10     | 72,48  | 78,28             | 115                     |
| 3. Sản lượng Sản xuất                                  | Tấn       | 4.325,10 | 2.959,88  | 68,43  | 4.004,20          | 135                     |
| Đông lạnh & GTGT                                       | Tấn       | 114,90   | 52,33     | 45,54  | 10,10             | 19                      |
| Ghẹ các loại   | Tấn       | 180,50   | 155,54    | 86,17  | 155,40            | 100                     |
| Cá ngừ hộp   | Tấn       | 3.173,00 | 2.002,98  | 63,13  | 2.181,70          | 109                     |
| Cá trích nục   | Tấn       | 426,40   | 348,68    | 81,77  | 916,50            | 263                     |
| Xúc xích   | Tấn       | 325,10   | 275,62    | 84,78  | 250,70            | 91                      |
| Súc sản hộp  | Tấn       | 102,00   | 119,56    | 117,22 | 487,00            | 407                     |
| Hàng khô   | Tấn       | 3,20     | 5,17      | 161,56 | 2,80              | 54                      |
| 4. Gia công  | Tấn       | 2.304,60 | 3.991,67  | 173,20 | 3.912,00          | 98                      |
| 5. Lợi nhuận   | Tỷ đồng   | 10,35    | 6,66      | 64,35  | 3,10              | 47                      |
| <b>II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI</b>         |           |          |           |        |                   |                         |
| 1. Doanh số Xuất khẩu                                  | Triệu USD | 6,10     | 7,00      | 114,75 | 7,60              | 109                     |
| 2. Doanh thu   | Tỷ đồng   | 193,96   | 186,78    | 96,30  | 201,30            | 108                     |
| Trong đó   |           |          |           |        |                   |                         |
| * Doanh thu Nội địa                                    | Tỷ đồng   | 17,70    | 14,19     | 80,17  | 41,70             | 294                     |



16



| Nội dung   | ĐVT       | Năm 2014 |           |        | Kế hoạch năm 2015 |                         |
|--|-----------|----------|-----------|--------|-------------------|-------------------------|
|  |           | Kế hoạch | Thực hiện | SS %   | Kế hoạch          | % tăng giảm so năm 2014 |
| * Doanh thu Nội bộ                                     | Tỷ đồng   | 32,78    | 24,76     | 75,53  |                   | -                       |
| * Doanh thu Dịch vụ                                    | Tỷ đồng   |          | 1,31      |        |                   | -                       |
| 3. Sản lượng Sản xuất                                  | Tấn       | 1.820,00 | 1.950,79  | 107,19 | 1.890,00          | 97                      |
| Tôm càng   | Tấn       |          |           |        |                   |                         |
| Tôm choán  | Tấn       |          | 21,42     |        |                   | -                       |
| Bạch tuộc  | Tấn       | 940,00   | 1.062,00  | 112,98 | 980,00            | 92                      |
| Ghẹ các loại   | Tấn       | 180,00   | 172,40    | 95,78  | 180,00            | 104                     |
| Ếch  | Tấn       | 500,00   | 694,97    | 138,99 | 530,00            | 76                      |
| Nghêu nguyên con                                       | Tấn       | 100,00   |           | -      | 100,00            |                         |
| Hải sản khác   | Tấn       | 100,00   |           | -      | 100,00            |                         |
| 4. Lợi nhuận   | Tỷ đồng   | 4,40     | 4,89      | 111,14 | 1,00              | 20                      |
| <b>III. CHI NHÁNH HÀ NỘI</b>                           |           |          |           |        |                   |                         |
| 1. Doanh thu   | Tỷ đồng   | 18,00    | 15,42     | 85,67  | 18,00             | 117                     |
| 2. Lợi nhuận   | Tỷ đồng   | 0,75     | 0,73      | 97,33  | 0,75              | 103                     |
| <b>IV. VĂN PHÒNG SEASPIMEX</b>                         |           |          |           |        |                   |                         |
| 1. Doanh số Xuất khẩu                                  | Triệu USD |          |           |        |                   |                         |
| 2. Doanh thu   | Tỷ đồng   | 4,40     | 11,09     | 251,98 | 0,84              | 8                       |
| 3. Lợi nhuận   | Tỷ đồng   | -        | 3,42      |        | (0,85)            | (25)                    |
| <b>V. CÔNG TY SEASPIMEX( tổng cộng các thành viên)</b> |           |          |           |        |                   |                         |
| 1. Doanh số Xuất khẩu                                  | Triệu USD | 21,92    | 19,10     | 87,14  | 20,00             | 105                     |
| 2. Doanh thu   | Tỷ đồng   | 750,00   | 641,76    | 85,57  | 705,69            | 110                     |
| Trong đó   |           |          |           |        |                   |                         |
| * Doanh thu Nội địa                                    | Tỷ đồng   | 122,98   | 119,75    | 97,37  | 166,95            | 139                     |
| * Doanh thu Nội bộ                                     | Tỷ đồng   |          |           | 89     |                   |                         |



| Nội dung                            | ĐVT     | Năm 2014 |           |        | Kế hoạch năm 2015 |                         |
|-------------------------------------|---------|----------|-----------|--------|-------------------|-------------------------|
|                                     |         | Kế hoạch | Thực hiện | SS %   | Kế hoạch          | % tăng giảm so năm 2014 |
|                                     |         | 51,38    | 45,78     |        | 88,50             | 193                     |
| * Doanh thu Hàng vật tư & Nhập khẩu | Tỷ đồng |          |           |        |                   |                         |
| * Doanh thu Dịch vụ                 | Tỷ đồng | 93,96    | 69,41     | 73,87  | 78,28             | 113                     |
| 3. Sản lượng Sản xuất               | Tấn     | 6.145,10 | 4.910,67  | 79,91  | 5.894,20          | 120                     |
| 4. Gia công                         | Tấn     | 2.304,60 | 3.991,67  | 173,20 | 3.912,00          | 98                      |
| 5. Lợi nhuận                        | Tỷ đồng | 15,50    | 15,70     | 101,29 | 4,00              | 26                      |

### 1.3.3 Quản lý chất lượng:

Công tác kiểm tra chất lượng được theo dõi và duy trì thường xuyên trong suốt quá trình sản xuất, chú trọng tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm cho toàn bộ khách hàng trong và ngoài nước.

Duy trì điều kiện và đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường Châu Âu (HACCP, BRC, IFS), Mỹ (FCE, SID), Nhật (tập đoàn COOP), thỏa mãn các yêu cầu kiểm tra của Cơ quan Nhà nước cũng như người mua hàng.

Phòng kiểm nghiệm các nhà máy của Công ty luôn chủ động kiểm soát từ nguồn nguyên liệu đến thành phẩm trong quá trình sản xuất.

Trong năm 2014 công ty đã đầu tư thiết bị và tuyển dụng cán bộ có trình độ xây dựng phòng Lab có đủ khả năng kiểm nghiệm chuẩn hóa.

Bên cạnh đó, bộ phận R&D chủ động nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới phù hợp cho thị trường trong nước và xuất khẩu nhằm tăng sức cạnh tranh của hàng hóa.

Trong năm 2015, sẽ phát triển các dòng sản phẩm mới: Cá ngừ ngũ sắc ngâm dầu, Cá ngừ ngũ sắc sốt cà, Cá sốt cà cao cấp, các dòng xúc xích giá cạnh tranh.

Kết hợp cùng Phòng Kinh doanh Nội địa cải tiến bao bì nhằm nâng giá trị hàng hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm.

### 1.3.4 Hoạt động tài chính:

Thực hiện đúng các chế độ tài chính kế toán theo Quy định của Nhà nước. Thực hiện tốt các chính sách thuế, Luật thuế do Nhà nước ban hành.

### 1.3.5 Các chính sách đối với người lao động:

Mặc dù thị trường xuất khẩu trong các tháng cuối năm giảm mạnh do giá thế giới liên tục hạ, nhà máy Seaspimex vẫn hoạt động gần hết công suất thiết kế, duy trì được đội ngũ lao động lành nghề, đảm bảo thu nhập cho Người lao động, chi trả lương đủ và



đúng hạn cho Người lao động. Thu nhập bình quân của Người lao động trong Công ty là 4,92 triệu đồng/người/tháng.

Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty, xe đưa rước CNV ở xa.

Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

## 2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015:

Theo dự báo trong năm 2015 sẽ vẫn còn nhiều khó khăn, thị trường vẫn còn tiềm ẩn những nguy cơ bất ổn, chi phí đầu vào có khả năng tăng cao.

Tuy nhiên Công ty đã tích cực tìm kiếm các khách hàng, thị trường mới tiềm năng và có sức mua lớn để giải quyết đầu ra cho Công ty.

Trên cơ sở thị trường và những tồn thất từ sự cố kho lạnh 2.000 tấn, Công ty đề ra các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2015:

| STT | Thành viên SEASPIMEX | Doanh thu (Tỷ đồng) | Trong đó: Xuất khẩu (triệu USD) | Lợi nhuận (Tỷ đồng) | Sản xuất (Tấn) | Gia công (Tấn) |
|-----|----------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------|----------------|----------------|
|     | <b>Tổng số</b>       | <b>705</b>          | <b>20,00</b>                    | <b>4,0</b>          | <b>5.894</b>   | <b>3.912</b>   |
| 1   | Văn phòng Công ty    | 0,84                |                                 | -0,85               |                |                |
| 2   | Nhà máy Seaspimex    | 485,55              | 12,40                           | 3,10                | 4.004          | 3.912          |
| 3   | Chi nhánh Ba Tri     | 201,3               | 7,60                            | 1                   | 1.890          |                |
| 4   | Chi nhánh Hà Nội     | 18,00               |                                 | 0,75                |                |                |

Căn cứ vào năng lực thực tế của Công ty khai thác tối đa công suất các Phân xưởng, dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2015 như sau:

### 2.1 Sản lượng thành phẩm xuất khẩu năm 2015:

| Chỉ tiêu                      | Năm 2015        |                     |
|-------------------------------|-----------------|---------------------|
|                               | Sản lượng (tấn) | Doanh thu (tỷ đồng) |
| <b>1. Xuất khẩu</b>           | <b>3.750,6</b>  | <b>395,68</b>       |
| - Nhóm cá nư                  | 1.885,2         | 146,95              |
| - Nhóm gẹ                     | 155,4           | 86,85               |
| - Bạch tuộc                   | 980             | 94,08               |
| - Đùi ếch                     | 530             | 58,30               |
| - Nghêu nguyên con            | 100             | 7                   |
| - Hải sản khác                | 100             | 2,5                 |
| <b>2. Gia công nước ngoài</b> | <b>3.912</b>    | <b>78,28</b>        |





## 2.2 Nhu cầu nguyên liệu – vật tư cho sản xuất:

| STT              | Nguyên liệu - Vật tư    | Nhu cầu năm 2015  |
|------------------|-------------------------|-------------------|
|                  |                         | Giá trị (tỷ đồng) |
| 1                | Nguyên liệu chính (tấn) | 390,5             |
| 2                | Vật liệu phụ            | 89,3              |
| 3                | Tiền lương              | 89,2              |
| 4                | Chi phí sản xuất chung  | 23,3              |
| 5                | Lãi vay                 | 23,05             |
| 6                | Chi phí khấu hao        | 16,8              |
| 7                | Chi phí bán hàng        | 42,9              |
| 8                | Chi phí quản lý         | 20,2              |
| <b>Tổng cộng</b> |                         | <b>695,33</b>     |

## 2.3 Các chỉ tiêu chính:

| Chỉ tiêu   | Đơn vị tính         | Năm 2014 |
|--|---------------------|----------|
| - Nhu cầu lao động   | Người               | 1.265    |
| * Trực tiếp  | Người               | 1.130    |
| * Gián tiếp  | Người               | 135      |
| - Tổng quỹ tiền lương  | Tỷ đồng             | 89,2     |
| - Thu nhập BQ người/tháng  | Triệu đ/người/tháng | 5,97     |
| - Năng suất lao động bình quân   | Kg/người/năm        | 7.876    |
| - Nhu cầu vốn lưu động sử dụng cho sản xuất<br>* Nhà máy Seaspimex là: 160 tỷ đồng<br>* Chi nhánh XN Ba Tri là: 40 tỷ đồng | Tỷ đồng             | 200      |
| - Lợi nhuận trước thuế   | Tỷ đồng             | 4,0      |
| - Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng             | 3,0      |

## 2.4 Thuận lợi và khó khăn, các kiến nghị thực hiện kế hoạch 2015:

### 2.4.1 Thuận lợi:

- Được thống nhất cao và xuyên suốt từ quản lý cấp cao đến toàn thể cán bộ, công nhân đồng lòng cùng quyết tâm thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Hoạt động gia công được củng cố, ổn định quản lý chất lượng, sắp xếp lại và khai thác có hiệu quả diện tích nhà xưởng thiết bị hiện có.
- Các khách hàng nước ngoài tiếp tục tin nhiệm tìm đến mua hàng và đặt hàng gia công.
- Ban điều hành định hướng: tiếp tục tìm kiếm thêm các khách hàng mới, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.



#### 2.4.2 Khó khăn:

- Lực lượng lao động thường xuyên biến động, năng suất sản xuất thấp do:
  - + Luật thuế thu nhập Cá nhân có hiệu lực từ đầu năm lao động thời vụ bị tạm thu 10% thu nhập Công ty khó tuyển dụng lao động.
  - + Các ngành nghề có điều kiện lao động tốt và thu nhập cao phát triển do đó người lao động không còn xem thủy sản là ưu tiên lựa chọn việc làm.
  - + Dịch chuyển lao động về các địa phương, vùng có các khu công nghiệp.
- Tình hình tài chính chưa có chuyển biến tích cực, gánh nặng nợ vay vẫn cao và chưa có hướng giải quyết:
  - + Vốn vay ngắn hạn đầu tư xây dựng cơ bản được ngân hàng cơ cấu lại 50 tỷ đồng vốn vay trung hạn và chênh lệch tỉ giá dẫn đến chi phí tài chính tăng thêm 4,8 tỷ/năm.
  - + Ngân hàng siết chặt quản lý hạn mức tín dụng, đánh giá uy tín doanh nghiệp hàng năm.
  - + Vay tín chấp không còn được ngân hàng chấp nhận hoặc chấp nhận cho vay mức độ thấp.
- Việc giải quyết tranh chấp mặt bằng 213 Hòa Bình và 176/32 đây đưa kéo dài chưa có kết quả, Công ty không thể khai thác các công trình này hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh: kho lạnh trữ hàng, mở rộng kinh doanh nội địa... do Hồng Bàng gây cản trở hoặc không bàn giao mặt bằng.
- Từ tháng 12/2014 Công ty đã dừng hợp tác khai thác mặt bằng 213 Hòa Bình để chuẩn bị hồ sơ khởi kiện ra tòa dẫn đến trong năm 2015 Công ty sẽ mất nguồn thu từ Hồng Bàng 12 tỷ đồng/năm. Đồng thời phải trích lập chi phí lãi vay phải trả cho Hồng Bàng 4,13 tỷ đồng/năm.
- Năm 2014 chi phí khấu hao TSCĐ và tiền thuê đất mặt bằng 213 Hòa Bình là 1,68 tỷ đồng nhưng nguồn thu từ cho thuê là 840 triệu đồng do đó phải lỗ 845 triệu đồng cho mảng này. Năm 2015 chi phí sẽ phát sinh thêm là 845 triệu đồng.
- Ngày 01/01/2015 Nhà nước bắt đầu áp dụng mức lương tối thiểu vùng khu vực 1 là 3,1 triệu (năm 2014: 2,7 triệu đồng) dẫn đến chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ năm 2015 tăng thêm 2,6 tỷ đồng/năm.
- Giá điện từ 16/03/2015 tăng thêm 7,5% làm tăng chi phí sản xuất.
- Trong 6 tháng đầu năm, cơ quan thuế Nhà nước thanh tra thuế Công ty từ năm 2007-2012 làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Số tiền truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ 2007-2012: 2,95 tỷ đồng.

#### 2.4.3 Kiến nghị:

- HĐQT chỉ đạo giải quyết sớm vụ việc liên quan đến tranh chấp mặt bằng: 213 Hòa Bình và 176/32 Hòa Bình với Đại học Hồng Bàng.
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị cho Phân xưởng Đồ Hộp nhằm đáp ứng mở rộng thị trường.



- Với chi phí tăng thêm như trên, Ban Điều hành xin phân đấu kế hoạch lợi nhuận 2015: 4 tỷ đồng/năm.
- Đề ra lộ trình lành mạnh hóa tình hình tài chính để có cơ sở đưa cổ phiếu Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán trong thời gian sớm nhất.

## D. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

### I. Tình hình hoạt động của công ty năm 2014:

Năm 2014, tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn chịu nhiều biến động, mặc dù có một vài dấu hiệu tích cực: lãi suất vay vốn có xu hướng giảm, tỷ giá ngoại tệ ổn định, lạm phát thấp. Tuy nhiên nhu cầu tiêu dùng có xu hướng giảm mạnh cả trong nước và xuất khẩu, cạnh tranh gay gắt về giá cả làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kết quả kinh doanh của Công ty.

Trong bối cảnh kinh tế như trên, có thể đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2014 qua một số chỉ tiêu đạt được như sau:

#### Các chỉ tiêu thực hiện năm 2014:

| Chỉ tiêu SX KD | ĐVT       | Năm 2014        |           | Thực hiện năm 2013 | So sánh (%)   |                |
|----------------|-----------|-----------------|-----------|--------------------|---------------|----------------|
|                |           | Nghị quyết ĐHCĐ | Thực hiện |                    | KH Nghị Quyết | Thực hiện 2013 |
| Tổng doanh thu | Tỷ đồng   | 750,00          | 641,76    | 628,55             | 85,57         | 102,10         |
| Xuất khẩu      | Triệu USD | 21,92           | 19,10     | 19,15              | 87,14         | 99,74          |
| Lợi nhuận      | Tỷ đồng   | 15,50           | 15,70     | 15,09              | 101,29        | 104,04         |
| SL sản xuất    | Tấn       | 6.145,10        | 4.910,70  | 5.128,56           | 79,91         | 95,75          |
| SL gia công    | Tấn       | 2.304,60        | 3.991,67  | 3.194,19           | 173,20        | 124,97         |

Hầu hết các chỉ tiêu đều đạt so với cùng kỳ. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận vẫn đạt được kế hoạch do Nghị quyết ĐHCĐ đưa ra mặc dù trong năm 2014 lợi nhuận từ việc cho thuê mặt bằng không có.

## II. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

### 2.1 Báo cáo hoạt động của HĐQT:

Năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã tổ chức 07 cuộc họp, trong đó: 01 cuộc họp thông qua phương thức lấy ý kiến bằng văn bản, 06 cuộc họp trực tiếp có sự tham gia của ít nhất 4 thành viên.

Các cuộc họp HĐQT đều được trao đổi, thảo luận và bàn bạc dân chủ, thẳng thắn, có biên bản, nghị quyết theo đúng tinh thần, nội dung cuộc họp.

Các thành viên HĐQT được Ban Điều hành cung cấp thông tin, số liệu đầy đủ, kịp thời các nội dung liên quan đến hoạt động của Công ty.



## **2.2 Thực hiện các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014:**

Đã thông báo chấm dứt thỏa thuận hợp tác đầu tư xây dựng dự án bất động sản tại 213 Hòa Bình đối với Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng. Hiện Công ty đang chờ đợi Tòa án Nhân dân Quận Tân Phú giải quyết việc tranh chấp giữa hai bên.

Thực hiện ký Hợp đồng với Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) để lập báo cáo kiểm toán năm 2014.

Thực hiện việc chi trả thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký Công ty năm 2014 như Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua là 180 triệu đồng.

Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị có 02 thành viên kiêm nhiệm công việc điều hành của Công ty được chi trả lương, thưởng theo đúng qui chế tiền lương Công ty, với tổng số tiền: 579.806.501 đồng (*Năm trăm bảy mươi chín triệu tám trăm lẻ sáu ngàn năm trăm lẻ một đồng*).

### **III. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám Đốc:**

Với sự thuận lợi do có 02 thành viên HĐQT tham gia trực tiếp điều hành Công ty, HĐQT đã thường xuyên giám sát, theo dõi, chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc. Năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt, chỉ đạo một số nội dung chính như sau:

- Phê duyệt kế hoạch SXKD, tài chính, đơn giá lương, mức lương Ban TGD và các vị trí khác thuộc thẩm quyền.
- Phê duyệt các nội dung về vay vốn, hạn mức tín dụng vay tại các ngân hàng.
- Chỉ đạo các vấn đề liên quan đến công nợ khó đòi, xử lý hàng hóa tồn kho.
- Chỉ đạo hoàn thành đúng thời hạn Báo cáo tài chính kiểm toán và Báo cáo thường niên.
- Phê duyệt, thông qua kế hoạch, nội dung, tài liệu, thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2015.
- Chấp thuận Đơn xin nghỉ việc của ông Nguyễn Thành Phương Tổng Giám đốc Công ty.

### **V. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015:**

#### **1. Nhận định tình hình:**

Tuy nhà nước đã có một số chủ trương, chính sách khuyến khích tiêu dùng và phát triển sản xuất trong thời gian qua nhưng có thể nhận định những khó khăn trong năm 2014 sẽ còn tiếp tục kéo dài trong năm 2015: sức mua giảm, Công ty khó tiếp cận được các gói cho vay ưu đãi từ Ngân hàng, cạnh tranh gay gắt buộc Doanh nghiệp phải giảm giá bán trong khi chi phí đầu vào tăng: tiền điện, tiền lương... Việc khai thác các mặt bằng của Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đáng kể đến nguồn thu và lợi nhuận của Công ty.

Trước tình hình đó, HĐQT và Ban Điều hành chủ trương tập trung chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện quy trình sản xuất để nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí, mở rộng sản xuất hàng gia công để tận dụng tối đa mặt bằng sản xuất của nhà máy,



song song với việc hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng chuyên nghiệp, tinh gọn và hiệu quả.

## 2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015:

| ST<br>T | Đơn vị              | Doanh<br>thu (tỷ<br>đồng) | Xuất khẩu<br>(triệu<br>USD) | Lợi<br>nhuận (tỷ<br>đồng) | Sản xuất<br>(tấn) | Gia công<br>(tấn) |
|---------|---------------------|---------------------------|-----------------------------|---------------------------|-------------------|-------------------|
|         | <b>Toàn Công ty</b> | <b>705,00</b>             | <b>20,00</b>                | <b>4,00</b>               | <b>5.894,00</b>   | <b>3.912,00</b>   |
| 1       | Văn phòng Seaspimex | 0,84                      |                             | - 0,85                    |                   |                   |
| 2       | Nhà máy Seaspimex   | 485,50                    | 12,40                       | 3,10                      | 4.004,20          | 3.912,00          |
| 3       | Chi nhánh Ba Tri    | 201,30                    | 7,60                        | 1,00                      | 1.890,00          |                   |
| 4       | Chi nhánh Hà Nội    | 18,00                     |                             | 0,75                      |                   |                   |

Năm 2015 sẽ tiếp tục là một năm khó khăn của Seaspimex, HĐQT và Ban Điều hành rất mong sự chia sẻ và tin tưởng của Quý vị cổ đông để tiếp tục phấn đấu, hoàn thành tốt các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## E. Quản trị công ty:

### 1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: gồm 05 thành viên như sau:

| STT | Họ và tên              | Chức vụ       | TV<br>điều<br>hành | TV<br>độc<br>lập | Số cổ<br>phần | Tỷ lệ sở<br>hữu<br>(%) | Ghi chú   |
|-----|------------------------|---------------|--------------------|------------------|---------------|------------------------|---|
| 1   | Lê Công Đức            | Chủ tịch      | X                  |                  | 108.000       | 10,00                  | Đại diện vốn NN   |
| 2   | Đỗ Trọng Vinh          | Thành<br>viên | X                  |                  | 26.493        | 2,45                   | Cổ đông cá nhân   |
| 3   | Bùi Tuấn Ngọc          | Thành<br>viên |                    | X                | 78.889        | 7,30                   | Đại diện Cty Cổ<br>Phần Đầu Tư<br>Vina + Cổ đông<br>cá nhân |
| 4   | Cao Thanh Định         | Thành<br>viên |                    | X                | 112.000       | 10,37                  | Cổ đông cá nhân   |
| 5   | Bùi Thị Phương<br>Thảo | Thành<br>viên |                    | X                | 75.600        | 7,00                   | Đại diện vốn NN   |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã tổ chức 07 cuộc họp, trong đó: 01 cuộc họp thông qua phương thức lấy ý kiến bằng văn bản, 06 cuộc họp trực tiếp có sự tham gia của ít nhất 4 thành viên.

Các cuộc họp HĐQT đều được trao đổi, thảo luận và bàn bạc dân chủ, thẳng thắn, có biên bản, nghị quyết theo đúng tinh thần, nội dung cuộc họp.

Các thành viên HĐQT được Ban Điều hành cung cấp thông tin, số liệu đầy đủ, kịp thời các nội dung liên quan đến hoạt động của Công ty.



- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.
- e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có.
- f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có.

**2. Ban Kiểm soát:**

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| STT | Họ và tên          | Chức vụ        | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu (%) | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------------|------------|------------------|---------|
| 1   | Nguyễn Thành Trung | Trưởng BKS     | 10.800     | 1,00             |         |
| 2   | Nguyễn Kim Hậu     | Thành viên BKS | 0          | 0                |         |
| 3   | Lê Thị Tuyền       | Thành viên BKS | 0          | 0                |         |

- b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện các nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014, các Nghị quyết của HĐQT.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Kiểm tra các hoạt động chính của Công ty như: gia công, sản xuất, công nợ, các hợp đồng mua bán, hợp đồng vay, sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí .....
- Thẩm định tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính 6 tháng.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

**\* Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2014:**

Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp để thực hiện việc phân công và triển khai các công việc cụ thể cho từng thành viên trong công tác kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể các cuộc họp như sau:

- Ngày 20 và 21/03/2014, BKS tổ chức cuộc họp và làm việc trực tiếp lần 01 năm 2014: Thực hiện kiểm tra, đánh giá toàn diện hoạt động kinh doanh cả năm 2013 và thẩm định Báo cáo tài chính năm 2013, lập Biên bản làm việc của Ban kiểm soát ngày 21/03/2014 để chuẩn bị cho việc lập Báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2014.



- Ngày 18 và 19/04/2014, BKS tổ chức cuộc họp và làm việc trực tiếp lần 02 năm 2014: Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 19/04/2014 và thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động kinh doanh quý I năm 2014;

- Ngày 21 và 22/8/2014, BKS tổ chức cuộc họp và làm việc trực tiếp lần 03 năm 2014: Thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014;

- Ngày 23 và 24/10/2014, BKS tổ chức cuộc họp và làm việc trực tiếp lần 04 năm 2014: Thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2014;

Liên quan đến hoạt động năm 2014, BKS tổ chức cuộc họp và làm việc trực tiếp lần 01 năm 2015 ngày 19 và 20/03/2015: Thực hiện kiểm tra, đánh giá toàn diện hoạt động kinh doanh cả năm 2014 và thẩm định Báo cáo tài chính năm 2014, lập Biên bản làm việc của Ban kiểm soát ngày 27/03/2014 để chuẩn bị cho việc lập Báo cáo của BKS trình ĐHCĐ thường niên năm 2015.

Ngoài ra, thông qua điện thoại, email các thành viên thường xuyên liên lạc trao đổi với nhau và với Công ty để thực hiện công việc được ĐHCĐ giao.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

**Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2014:**

Đại hội đồng cổ đông năm 2014 đã thông qua tổng mức thù lao công vụ năm 2014 là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng).

Trong năm 2014, Công ty đã chi trả tổng số thù lao công vụ cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

**Thù lao của Hội đồng Quản trị:**

| Họ và tên           | Thù lao         | Ghi chú             |
|---------------------|-----------------|---------------------|
| Lê Công Đức         | 24.000.000 đồng | CK về Tổng Cty TSVN |
| Bùi Thị Phương Thảo | 24.000.000 đồng | CK về Tổng Cty TSVN |
| Cao Thanh Định      | 24.000.000 đồng |                     |
| Bùi Tuấn Ngọc       | 24.000.000 đồng |                     |
| Đỗ Trọng Vinh       | 24.000.000 đồng |                     |

Thư ký HĐQT: Nguyễn Thị Ngọc Nga 12.000.000 đồng

BSS  
3 TY  
HAP  
ACS  
HE

UT



**Thù lao của Ban kiểm soát:**

| Họ và tên          | Thù lao         | Ghi chú             |
|--------------------|-----------------|---------------------|
| Nguyễn Thành Trung | 24.000.000 đồng | CK về Tổng Cty TSVN |
| Nguyễn Kim Hậu     | 12.000.000 đồng |                     |
| Lê Thị Tuyền       | 12.000.000 đồng |                     |

**Báo cáo Lương, thưởng của thành viên HĐQT kiêm nhiệm công việc điều hành của Công ty năm 2014:**

Hiện nay, SEASPIMEX có 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm công việc điều hành của Công ty:

- Ông Lê Công Đức - Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật với mức lương, thưởng được chi trả như sau:
  - Lương 22.000.000 đồng/tháng
  - Thưởng 32.590.790 đồng/năm
- Ông Đỗ Trọng Vinh – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc với mức lương, thưởng được chi trả như sau:
  - Lương 20.000.000 đồng/tháng
  - Thưởng 33.183.266 đồng/năm

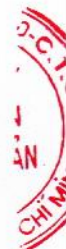
**Báo cáo Lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc năm 2014:**

- Lương 40.000.000 đồng/tháng
- Thưởng 68.163.535 đồng/năm

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|----------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|--|
|     |                           |                            | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |  |
| 1   | Nguyễn Thị Ngọc Nga       | Thư ký HĐQT                | 0                         | 0     | 200                        | 0.02  | Mua CP   |

- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).





d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty)

**F. Báo cáo tài chính:**

**1. Ý kiến kiểm toán:**

2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

*Chi tiết về ý kiến kiểm toán và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán 2014 xin vui lòng xem tại trang web: [www.seaspimex.com.vn](http://www.seaspimex.com.vn) (Trang Quan hệ cổ đông → Công bố thông tin năm 2014 → Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2014).*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**LÊ CÔNG ĐỨC**

